

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản phí, lệ phí tại Quy định danh mục về mức thu và quản lý, sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2011/NQ-HĐND ngày 15/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH
KHÓA XIII, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003; Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và Lệ phí ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí; Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ về Quỹ bảo trì đường bộ; Nghị định số 23/2013/NĐ-CP ngày 25/03/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ về lệ phí trước bạ; Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29/3/2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy

định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp; Thông tư số 155/2012/TT-BTC ngày 20/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí chứng minh nhân dân mới; Thông tư số 197/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện; Thông tư số 34/2013/TT-BTC ngày 25/3/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 124/2011/TT-BTC ngày 31/8/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình tại Tờ trình số 43/TTr-UBND ngày 27/6/2013 về sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số khoản phí, lệ phí tại Nghị quyết số 22/2011/NQ-HĐND ngày 15/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình; Tờ trình số 60/TTr-UBND ngày 16/7/2013 về sửa đổi mức thu phí qua đò dọc tuyến 1 Khu du lịch hang động Tràng An tại Nghị quyết số 22/2011/NQ-HĐND ngày 15/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản phí, lệ phí tại Quy định danh mục về mức thu và quản lý, sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Ninh Bình (sau đây gọi là Quy định danh mục) ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2011/NQ-HĐND ngày 15/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình như sau:

1. Sửa đổi tỷ lệ (%) để lại cho đơn vị thu phí tham quan danh lam thắng cảnh tuyến 1 khu hang động du lịch Tràng An tại điểm c khoản 3 Mục I Quy định danh mục như sau:

Nội dung	Quản lý, sử dụng số tiền phí thu được	
	Tỷ lệ (%) để lại đơn vị thu	Tỷ lệ (%) nộp ngân sách Nhà nước
c) Tuyến 1 khu hang động du lịch Tràng An	90%	10%

2. Sửa đổi mức thu phí qua đò dọc tuyến 1 Khu du lịch hang động Tràng An quy định tại điểm b khoản 9 Mục I Quy định danh mục như sau:

Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Quản lý, sử dụng số tiền phí thu được	
			Tỷ lệ (%) để lại đơn vị thu	Tỷ lệ (%) nộp ngân sách Nhà nước
b) Phí qua dò dạc - Tuyến 1 khu hang động du lịch Tràng An	Đồng/ chuyến đò (cả đi và về; số lượng chò không quá 4 người/ chuyến đò)	160.000	100%	0%

3. Sửa đổi mức thu phí vệ sinh quy định tại điểm a, điểm b khoản 13 Mục I Quy định danh mục như sau:

Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Quản lý, sử dụng số tiền phí thu được	
			Tỷ lệ (%) để lại đơn vị thu	Tỷ lệ (%) nộp ngân sách Nhà nước
a) Đối với cá nhân, hộ gia đình				
- Khu vực các xã	Đồng/người /tháng	2.000	100%	0%
- Khu vực thị trấn, thị xã, các xã thuộc thành phố Ninh Bình; khu vực các phường thuộc thành phố Ninh Bình	Đồng/người /tháng	3.000	100%	0%
- Đối với các hộ sản xuất kinh doanh, buôn bán nhỏ, trường học, trường mầm non, trụ sở làm việc của các doanh nghiệp, cơ quan hành chính, sự nghiệp.	Đồng/đơn vị (hộ)/ tháng	50.000	100%	0%
b) Đối với cửa hàng, khách sạn, nhà hàng kinh doanh ăn uống	Đồng/m ³ rác	100.000	100%	0%

4. Sửa đổi, bổ sung nội dung và mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt quy định tại điểm a, b, c, đ khoản 14, Mục I. Quy định danh mục như sau:

Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Quản lý, sử dụng số tiền phí, lệ phí thu	
			Tỷ lệ (%) để lại đơn vị thu	Tỷ lệ (%) nộp NSNN
14. Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt				
a) Hộ dân cư				
- Các hộ gia đình thuộc Thành phố Ninh Bình, thị xã Tam Điệp	Đồng/m ³	5% giá bán 1m ³ nước sạch do UBND tỉnh quy định	10%	90%
- Các hộ gia đình thuộc đô thị loại V (thị trấn Me, thị trấn Thiên Tôn, thị trấn Phát Diệm, thị trấn Bình Minh, thị trấn Nho Quan, thị trấn Yên Ninh, thị trấn Yên Thịnh)	Đồng/m ³	3% giá bán 1m ³ nước sạch do UBND tỉnh quy định	10%	90%
- Các hộ gia đình tự khai thác nước sạch để sử dụng (trừ những nơi chưa có hệ thống cấp nước sạch)	Đồng/m ³	3% giá bán 1m ³ nước sạch do UBND tỉnh quy định	15%	85%
b) Các tổ chức				
- Các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp, đơn vị sản xuất vật chất và các đơn vị kinh doanh dịch vụ	Đồng/m ³	5% giá bán 1m ³ nước sạch do UBND tỉnh quy định	10%	90%
- Các cơ quan, tổ chức tự khai thác nước sạch để sử dụng	Đồng/m ³	5% giá bán 1m ³ nước sạch do UBND tỉnh quy định	15%	85%

5. Bổ sung phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô trên địa bàn tỉnh Ninh Bình vào Mục I Quy định danh mục như sau:

Nội dung	Mức thu (nghìn đồng/ xe/năm)	Quản lý, sử dụng tiền phí thu được	
		Tỷ lệ (%) để lại đơn vị thu phí	Tỷ lệ (%) nộp Quỹ bảo trì đường bộ địa phương
26. Phí sử dụng đường bộ xe mô tô			
a) Loại xe mô tô có dung tích xi lanh đến 100 cm ³			
- Đối với các phường; thị trấn	50	10%	90%
- Đối với các xã	50	20%	80%
b) Loại xe mô tô có dung tích xi lanh trên 100 cm ³			
- Đối với các phường; thị trấn	100	10%	90%
- Đối với các xã	100	20%	80%
c) Xe chở hàng 4 bánh có gắn động cơ một xi lanh			
- Đối với các phường; thị trấn	2.160	10%	90%
- Đối với các xã	2.160	20%	80%

6. Sửa đổi mức thu Lệ phí trước bạ quy định tại khoản 15 Mục II Quy định danh mục như sau:

Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Quản lý, sử dụng số tiền lệ phí thu được
Lệ phí trước bạ đối với ô tô chở người dưới 10 chỗ ngồi (kể cả lái xe)	% trên giá tính lệ phí trước bạ	10%	Nộp NSNN 100%

7. Bãi bỏ: Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh quy định tại khoản 3 Mục II Quy định danh mục; Lệ phí chứng minh nhân dân quy định tại điểm c khoản 4 Mục II Quy định danh mục.

Điều 2. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 20/7/2013; có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày được thông qua.

Phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô trên địa bàn tỉnh Ninh Bình được áp dụng kể từ ngày 01/01/2013.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIII;
- VP tỉnh ủy; VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Ban Thường vụ các huyện, thành, thị ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố, thị xã;
- Công báo tỉnh; Đài PT và TH tỉnh; Báo Ninh Bình;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Tiến Thành